



# **CÔNG BÁO**

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 47 + 48

Ngày 01 tháng 7 năm 2021

## **MỤC LỤC**

Trang

### **PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- |            |  |   |
|------------|--|---|
| 01-6-2021- | Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ban hành giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025. | 3 |
| 08-6-2021- | Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.                            | 6 |

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**

- |            |  |    |
|------------|--|----|
| 03-6-2021- | Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật. | 15 |
|------------|--|----|

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 24-5-2021- Quyết định số 1900/QĐ-UBND về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của Quận 5. 18
- 24-5-2021- Quyết định số 1901/QĐ-UBND về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của Quận 8. 25
- 24-5-2021- Quyết định số 1905/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 37
- 26-5-2021- Quyết định số 1933/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực trên địa bàn Thành phố. 54

## PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2021/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 6 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;*

*Căn cứ Nghị định 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ về Quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Xây*

dựng hướng dẫn phương pháp định giá giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3263/TTr-SXD-HTKT ngày 26 tháng 3 năm 2021, ý kiến thẩm định của Sở Tài chính tại Công văn số 2985/STC-QLG ngày 22 tháng 5 năm 2020 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 1743/STP-VB ngày 06 tháng 5 năm 2021 về thẩm định Phương án xây dựng giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải tại Thành phố Hồ Chí Minh.

## QUYẾT ĐỊNH:

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình (gọi chung là hộ thoát nước) có hoạt động xả nước thải sinh hoạt vào hệ thống thoát nước, nguồn tiếp nhận (*nguồn tiếp nhận là các nguồn nước chảy thường xuyên hoặc định kỳ như sông suối, kênh rạch, ao hồ, đầm phá, biển, các tầng chứa nước dưới đất*) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

b) Hộ thoát nước đã thanh toán tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thì không phải trả phí bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

### **Điều 2. Giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025**

Mục đích sử dụng	2022	2023	2024	2025
Lộ trình thu giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải tính trên giá nước cấp	15%	20%	25%	30%

### **Điều 3. Phương thức thu và quản lý, sử dụng nguồn thu và Tổ chức thực hiện**

1. Phương thức thu:

a) Đối với các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV: Căn cứ khối lượng nước sạch tiêu thụ hàng tháng, mức giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải quy định tại Điều 2

Quyết định này, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV tổ chức thu tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thông qua hóa đơn tiền nước.

b) Đối với các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung: Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức xây dựng phương án thu tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải. Giá thu không được thấp hơn mức thu của các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung.

## 2. Quản lý, sử dụng nguồn thu từ dịch vụ thoát nước:

Nguồn thu từ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được để lại một phần trăm (1%) trên tổng số thu thực tế để chi trả chi phí dịch vụ thu hộ; thực hiện các nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có), phần còn lại nộp vào ngân sách Nhà nước để sử dụng cho các mục đích đầu tư, duy trì, phát triển hệ thống thoát nước và các chi phí hợp lý khác theo quy định hiện hành.

## 3. Tổ chức thực hiện

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thu và sử dụng giá dịch vụ thoát nước theo quy định.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức xây dựng phương án thu tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với trường hợp không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung.

c) Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện phổ biến, triển khai thực hiện Quyết định này trên địa bàn quản lý.

d) Thời gian áp dụng: kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện, Giám đốc các doanh nghiệp cấp nước, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV và các đối tượng sử dụng nước trên địa bàn Thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Hòa Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2021/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 6 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất;*

*Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn giá đất;*

*Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 89/2017/TT-BTC ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt*

*nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;*

*Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Thực hiện Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố cho ý kiến về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Theo đề nghị của Liên Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 7737/TTr-STC-STNMT ngày 03 tháng 12 năm 2020; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 5593/STP-VB ngày 01 tháng 12 năm 2020; xét báo cáo, đề xuất của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2116/TTr-STC-QLG ngày 15 tháng 4 năm 2021 và Công văn số 2634/STC-QLG ngày 10 tháng 5 năm 2021.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1. Quyết định này Quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 để xác định giá đất cụ thể áp dụng đối với các trường hợp quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 4 Điều 114, Khoản 2 Điều 172 và Khoản 3 Điều 189 của Luật Đất đai, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại Khoản 30 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của



Chính phủ, thuộc trường hợp được tiếp tục sử dụng đất theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê mà thửa đất hoặc khu đất của dự án có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành) dưới 30 tỷ đồng; đối với trường hợp thuê đất thu tiền hàng năm mà phải xác định lại đơn giá thuê đất để điều chỉnh cho chu kỳ tiếp theo đối với thửa đất hoặc khu đất được Nhà nước cho thuê sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản, khai thác khoáng sản có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) từ 30 tỷ đồng trở lên; giá thuê đất trả tiền thuê hàng năm (không bao gồm trường hợp thuê đất sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản); giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm; xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 101, Khoản 4 Điều 102 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ; xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

2. Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trong Khu công nghệ cao áp dụng cho tổ chức, cá nhân được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm; thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp; thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, kinh doanh nhà ở thương mại, văn phòng cho thuê đối với trường hợp diện tích tính thu tiền thuê đất của thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) dưới 30 tỷ đồng.

## **Điều 2. Hệ số điều chỉnh giá đất**

Hệ số điều chỉnh giá đất theo Khoản 1 Điều 1 Quyết định này được áp dụng tùy theo từng nhóm đối tượng và tùy theo từng khu vực địa bàn quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các yếu tố làm tăng, giảm giá đất như sau:

1. Nhóm 1: Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất không phải đất ở sang đất ở đối với diện tích đất ở vượt hạn mức, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 30 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ, thuộc trường hợp được tiếp tục sử dụng đất theo hình thức giao đất có

thu tiền sử dụng đất: Hệ số điều chỉnh giá đất là **một phẩy năm (1,5) lần** giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định và công bố.

2. Nhóm 2: Trường hợp xác định đơn giá thuê đất hàng năm cho chu kỳ ổn định đầu tiên; xác định đơn giá thuê đất hàng năm khi điều chỉnh lại đơn giá thuê đất cho chu kỳ ổn định tiếp theo; xác định giá khởi điểm trong đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm; xác định đơn giá thuê đất khi nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê theo quy định tại Khoản 3 Điều 189 Luật Đất đai: Hệ số điều chỉnh giá đất được áp dụng tùy theo mục đích sử dụng đất và khu vực như sau:

Mục đích sử dụng đất thuê	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 4	Khu vực 5
Kinh doanh dịch vụ, thương mại; tài chính; nhà hàng; khách sạn; nhà ở cho thuê; văn phòng làm việc và cho thuê.	2,5	2,3	2,1	1,9	1,7
- Sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp; nhà kho, nhà xưởng; hoạt động khoáng sản; sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ; đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh; đất xây dựng siêu thị, cửa hàng thương mại - dịch vụ bán hàng bình ổn giá; cửa hàng xăng dầu; đất xây dựng bệnh viện, phòng khám đa khoa; trường học. - Xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê tại các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất; nhà lưu trú công nhân; bến cảng, bến tàu, bến phà, bến đò, bến xe, nhà ga, sân bay, đất xây dựng kết cấu hạ tầng cảng hàng không sân bay; trạm trung chuyển rác, nơi để xe ép rác; sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối.	1,7	1,6	1,55	1,5	1,5

Trong đó, các khu vực được xác định như sau:

Khu vực 1, gồm: Quận 1, Quận 3, Quận 4, Quận 5, Quận 10, Quận 11, quận Tân Bình và quận Phú Nhuận;

Khu vực 2, gồm: Thành phố Thủ Đức, Quận 6, Quận 7, quận Gò Vấp, quận Bình Thạnh, quận Tân Phú;

Khu vực 3, gồm: Quận 8, Quận 12, quận Bình Tân;

Khu vực 4, gồm: Huyện Bình Chánh, huyện Củ Chi, huyện Nhà Bè, huyện Hóc Môn;

Khu vực 5: Huyện Cần Giờ.

**3.** Nhóm 3: Trường hợp tổ chức được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; xác định đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê không thông qua hình thức đấu giá; xác định đơn giá thuê đất khi chuyển từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định tại Khoản 2 Điều 172 Luật Đất đai; xác định đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 101, Khoản 4 Điều 102 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ; giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê: Hệ số điều chỉnh giá đất được áp dụng tùy theo khu vực như sau:

Khu vực 1, gồm: Quận 1, Quận 3, Quận 4, Quận 5, Quận 10, Quận 11, quận Tân Bình và quận Phú Nhuận: Hệ số điều chỉnh giá đất là **hai phẩy năm (2,5) lần** giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định và công bố;

Khu vực 2, gồm: Thành phố Thủ Đức, Quận 6, Quận 7, quận Gò Vấp, quận Bình Thạnh, quận Tân Phú: Hệ số điều chỉnh giá đất là **hai phẩy ba (2,3) lần** giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định và công bố;

Khu vực 3, gồm: Quận 8, Quận 12, quận Bình Tân: Hệ số điều chỉnh giá đất là **hai phẩy một (2,1) lần** giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định và công bố;

Khu vực 4, gồm: Huyện Bình Chánh, huyện Củ Chi, huyện Nhà Bè, huyện Hóc Môn: Hệ số điều chỉnh giá đất là **một phẩy chín (1,9) lần** giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định và công bố;

Khu vực 5, Huyện Cần Giờ: Hệ số điều chỉnh giá đất là **một phẩy bảy (1,7) lần** giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định và công bố.

**4.** Ngoài việc áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất nêu tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, tùy theo vị trí, hệ số sử dụng đất để tính bổ sung thêm hệ số như sau:

a) Trường hợp khu đất, thửa đất thực hiện nghĩa vụ tài chính có vị trí tiếp giáp từ hai (02) mặt tiền đường trở lên (đường có tên trong Bảng giá đất), thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 10% so với hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại

Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

b) Đối với trường hợp sử dụng đất theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, thì tùy theo hệ số sử dụng đất của khu đất, thửa đất thực hiện nghĩa vụ tài chính để tính bổ sung hệ số tăng thêm như sau:

- Khu đất, thửa đất có hệ số sử dụng đất dưới 6,0 lần hoặc không xác định rõ hệ số sử dụng đất, thì được áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;

- Khu đất, thửa đất có hệ số sử dụng đất từ 6,0 đến dưới 8,0 lần thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 5% so với hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;

- Khu đất, thửa đất có hệ số sử dụng đất từ 8,0 đến dưới 10,0 lần thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 10% so với hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;

- Khu đất, thửa đất có hệ số sử dụng đất từ 10,0 đến dưới 12,0 lần thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 15% so với hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;

- Khu đất, thửa đất có hệ số sử dụng đất từ 12,0 đến dưới 14,0 lần thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 20% so với hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;

- Khu đất, thửa đất có hệ số sử dụng đất từ 14,0 đến dưới 16,0 lần thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 25% so với hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;

- Khu đất, thửa đất có hệ số sử dụng đất từ 16,0 trở lên thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm 30% so với hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

c) Trường hợp khu đất, thửa đất thỏa mãn cả hai yếu tố quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này, thì hệ số điều chỉnh giá đất được tính tăng thêm theo quy định tại Điểm a trước, sau đó tiếp tục tính tăng thêm theo quy định tại Điểm b Khoản này.

### **Điều 3. Hệ số điều chỉnh giá đất trong Khu công nghệ cao**

1. Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm theo từng mục đích sử dụng đất như sau:

a) Kinh doanh thương mại, dịch vụ; kinh doanh nhà ở thương mại, văn phòng cho thuê: Hệ số điều chỉnh giá đất là **một phẩy bảy (1,7) lần** giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định và công bố;

b) Sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp; đất sử dụng vào mục đích công cộng có mục đích kinh doanh: Hệ số điều chỉnh giá đất là **một phẩy năm (1,5) lần** giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định và công bố;

**2. Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo từng mục đích sử dụng đất như sau:**

a) Kinh doanh thương mại, dịch vụ; kinh doanh nhà ở thương mại, văn phòng cho thuê: Hệ số điều chỉnh giá đất là **hai phẩy năm (2,5) lần** giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định và công bố;

b) Sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: Hệ số điều chỉnh giá đất là **hai phẩy ba (2,3) lần** giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định và công bố.

**3. Ngoài việc áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất nêu tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này, tùy theo vị trí, hệ số sử dụng đất để tính bổ sung thêm hệ số như khoản 4 Điều 2 Quyết định này.**

#### **Điều 4. Trách nhiệm của Sở, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân quận, huyện**

**1. Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:** Hàng năm phối hợp với các Sở, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân các quận, huyện để trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành hệ số điều chỉnh giá đất cho phù hợp với tình hình thực tế; đảm bảo thời gian theo quy định.

**2. Sở Quy hoạch - Kiến trúc có trách nhiệm** hướng dẫn việc xác định hệ số sử dụng đất của khu đất, thửa đất thực hiện nghĩa vụ tài chính để tính bổ sung hệ số tăng thêm theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 2 Quyết định này.

**3. Cục Thuế Thành phố, Chi cục Thuế thành phố Thủ Đức, Chi cục Thuế quận, huyện có trách nhiệm:** Căn cứ hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan để xác định và thu nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định.

**4. Ban Quản lý Khu công nghệ cao:** Căn cứ hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan xác định tiền thuê đất, điều chỉnh đơn giá thuê đất theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân quận, huyện có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên môi trường, Phòng Tài chính, Chi cục Thuế, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn phối hợp với các cơ quan có liên quan ở thành phố Thủ Đức, quận - huyện thực hiện việc xác định và thu nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền đối với các trường hợp sai phạm hoặc các trường hợp khiếu nại, tố cáo có liên quan đến việc xác định và thu nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

### **Điều 5. Các vướng mắc phát sinh**

Trong quá trình thực hiện Quyết định này nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân quận, huyện phản ánh kịp thời cho các Sở, ngành chức năng để được hướng dẫn thực hiện; trường hợp vượt thẩm quyền thì các Sở, ngành chức năng có ý kiến trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

### **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 6 năm 2021.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Phong**

## ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦN GIỜ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2021/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 03 tháng 6 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

#### VỀ VIỆC BÃI BỎ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp tại Tờ trình số 408 /TTr-TP ngày 31 tháng 5 năm 2021.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Bãi bỏ Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Cần Giờ, do căn cứ pháp lý ban hành văn bản

và nội dung văn bản không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2021.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tư pháp, Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Cần Giờ, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Hồng**



**DANH MỤC**

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BỊ BÃI BỎ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật)*

\* \* \*

<b>STT</b>	<b>Tên loại văn bản</b>	<b>Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản</b>	<b>Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản</b>	<b>Ngày có hiệu lực</b>	<b>Lý do bãi bỏ</b>
01	Quyết định	11/2011/QĐ-UBND Ngày 11 tháng 5 năm 2011	Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Cần Giờ	18/5/2011	Căn cứ pháp lý ban hành văn bản và nội dung văn bản không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**

## PHẦN VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1900/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 5 năm 2021

### **QUYẾT ĐỊNH**

#### **Về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của Quận 5**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Văn bản số 21/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng Quốc hội về hợp nhất Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố (số 122/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016; số 10/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017; số 32/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017; số 09/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018; số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 và số 34/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2019);

Căn cứ Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thông qua danh mục hủy bỏ các dự án cần thu hồi đất, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thông qua;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân Quận 5 tại Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2021 và của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3527/TTr-TNMT-QLĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của Quận 5 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

### 1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch:

*Đơn vị tính: ha*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
				P.1	P.2	P.3	P.4	P.5	P.6	P.7
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+ ...+(18)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>		<b>427,34</b>	<b>43,31</b>	<b>28,89</b>	<b>17,94</b>	<b>37,73</b>	<b>22,57</b>	<b>23,74</b>	<b>24,23</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>								
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>427,34</b>	<b>43,31</b>	<b>28,89</b>	<b>17,94</b>	<b>37,73</b>	<b>22,57</b>	<b>23,74</b>	<b>24,23</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1,93					0,01	0,16	0,31
2.2	Đất an ninh	CAN	2,77		0,02			0,27	0,05	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK								
2.4	Đất khu chế xuất	SKT								
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN								
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	11,81	1,55	0,20	0,14	0,49	0,56	0,16	0,30
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	15,93	1,92	1,56	0,35	1,32	0,29	0,78	0,34
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS								
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	202,76	19,90	8,64	9,08	18,42	9,54	12,56	11,08





STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
				P.1	P.2	P.3	P.4	P.5	P.6	P.7
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(18)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>1,30</b>		<b>0,20</b>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP								
2.2	Đất an ninh	CAN								
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK								
2.4	Đất khu chế xuất	SKT								
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN								
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,01							
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,11							
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS								
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,20		0,20					
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT								
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL								
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA								
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT								
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	0,89							
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC								
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,08							
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG								
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON								
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD								
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX								
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH								
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV								
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,001							
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON								
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC								
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK								

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
				P.8	P.9	P.10	P.11	P.12	P.13	P.14
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(18)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>								
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>1,30</b>	<b>0,003</b>		<b>0,49</b>	<b>0,09</b>		<b>0,51</b>	



3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,75	0,08		0,19			0,01	
---	---	---------	------	------	--	------	--	--	------	--

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
				P.8	P.9	P.10	P.11	P.12	P.13	P.14
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(18)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN								
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	NNP/NNP								
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,75			0,31	0,02	0,03	0,09	0,02

#### 4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng 2021:

Trên địa bàn Quận 5 không có diện tích đất chưa sử dụng.

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân Quận 5 có trách nhiệm phối hợp và thực hiện:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Căn cứ kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, xác định và phê duyệt vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp phường.

3. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của Luật Đất đai.

4. Ủy ban nhân dân Quận 5 chịu trách nhiệm về tính pháp lý, ranh, diện tích chuyển mục đích sử dụng của hộ gia đình, cá nhân, đảm bảo phù hợp quy hoạch đô thị, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

5. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc quản lý sử dụng đất đai, đảm bảo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở - Ban - Ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 5 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Hòa Bình**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1901/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của Quận 8**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.*

*Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố (số 122/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2016; số 10/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017; số 32/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017; 09/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018; số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018; số 34/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2019; số 54/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019; số 85/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020);*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3328/TTr-STNMT-QLĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021, Ủy ban nhân dân Quận 8 tại Tờ trình số 734/TTr-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của Quận 8 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

# 1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																
				P1	P2	P3	P4	P5	P6	P7	P8	P9	P10	P11	P12	P13	P14	P15	P16	
(1)	(2)	(3)	(4)= (5)+...+(20)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>125,45</b>					<b>0,34</b>	<b>11,53</b>	<b>102,80</b>							<b>0,01</b>	<b>3,60</b>	<b>7,18</b>	
1.1	Đất trồng lúa	LUA**	40,52							40,52										
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	69,27					0,34	9,97	49,90							0,01	3,14	5,91	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0,12						0,02	0,10										
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH																		
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD																		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX																		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	56,06						1,54	52,80								0,45	1,27	
1.8	Đất làm muối	LMU																		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH																		
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>1.785,94</b>	<b>48,83</b>	<b>49,89</b>	<b>51,21</b>	<b>144,48</b>	<b>160,71</b>	<b>134,15</b>	<b>467,11</b>	<b>29,52</b>	<b>43,83</b>	<b>25,48</b>	<b>27,31</b>	<b>29,61</b>	<b>24,86</b>	<b>55,28</b>	<b>149,43</b>	<b>344,25</b>	
2.1	Đất quốc phòng	CQP	3,11					0,46	0,04									1,40	1,21	
2.2	Đất an ninh	CAN	5,08	0,45		0,97		2,02	1,22					0,21				0,14	0,06	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK																		
2.4	Đất khu chế xuất	SKT																		
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN																		
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	83,34	0,01		0,55	6,73		1,30	67,53	0,05	0,02		0,37	0,04	1,19	0,00		5,54	
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	93,99	0,23	1,28	0,29	0,96	3,19	22,62	22,42	0,95	2,16	0,05	2,70	1,91	1,40	8,35	2,08	23,40	



STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính															
				P1	P2	P3	P4	P5	P6	P7	P8	P9	P10	P11	P12	P13	P14	P15	P16
(1)	(2)	(3)	(4)= (5)+...+(20)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT																	
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	790,55	27,50	31,14	28,87	54,95	78,84	59,82	167,45	10,12	20,37	14,38	9,98	14,29	9,79	23,51	73,01	166,53
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,26	0,12	0,12	0,10	0,24	5,97	0,55	0,24	0,09	0,07	0,06	0,23	0,05	0,40	0,23	1,28	0,49
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,24						0,18					0,01		0,05			
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG																	
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	9,67	0,11	0,46	0,28	0,85	0,97	1,90	1,56		0,20	0,20	0,16	0,11	0,17	0,35	1,97	0,37
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	3,38				0,00		1,15	1,59									0,63
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX																	
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,83	0,04	0,02	0,04	0,26	0,15	0,05	0,05	0,02	0,03	0,03	0,03	0,01	0,01		0,02	0,07
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	44,29	0,23		0,31	24,35	1,97	0,45	11,73	0,90	0,87	0,96	1,57				0,30	0,64
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	3,18	0,06		0,09	0,16	0,21	0,03	0,70	0,05	0,21	0,07	0,10	0,05	0,06	0,03	0,11	1,25
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	247,85	9,83	3,01	6,33	11,63	13,40	15,67	67,04	6,90	7,54	2,51	3,88	3,34	3,08	10,22	37,36	46,10
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,08							0,08									
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK																	
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>																	
<b>4</b>	<b>Đất khu công nghệ cao*</b>	<b>KCN</b>																	



STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính															
				P 1	P 2	P 3	P 4	P 5	P 6	P 7	P 8	P 9	P 10	P 11	P 12	P 13	P 14	P 15	P 16
(1)	(2)	(3)	(4)= (5)+...+(20)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1.8	Đất làm muối	LMU																	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH																	
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>46,55</b>	<b>1,25</b>		<b>0,11</b>	<b>11,06</b>	<b>4,53</b>	<b>2,64</b>	<b>12,40</b>	<b>0,57</b>	<b>1,70</b>	<b>0,20</b>	<b>0,77</b>	<b>1,58</b>	<b>0,29</b>	<b>1,78</b>	<b>5,19</b>	<b>2,48</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,02					0,02											
2.2	Đất an ninh	CAN	0,04					0,04											
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK																	
2.4	Đất khu chế xuất	SKT																	
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN																	
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,13						0,03	0,01	0,02			0,001		0,01	0,06		
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3,01	0,46				0,35	0,61	0,15		0,13	0,15	0,05		0,02	0,68	0,10	0,32
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS																	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2,53	0,02			0,46	0,30	0,08	0,75	0,01	0,03	0,001	0,04	0,02	0,09	0,03	0,40	0,29
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT																	
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL																	
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA																	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính															
				P 1	P 2	P 3	P 4	P 5	P 6	P 7	P 8	P 9	P 10	P 11	P 12	P 13	P 14	P 15	P 16
(1)	(2)	(3)	(4)= (5)+...+(20)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT																	
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	32,96	0,77		0,10	9,97	3,51	1,84	8,67	0,08	0,89		0,10	0,63	0,14	0,52	4,03	1,71
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,25			0,004		0,16	0,02					0,001		0,002			0,06
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,001						0,001										
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG																	
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,12				0,10					0,004		0,003		0,001		0,01	
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0,19				0,16		0,01	0,02									
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX																	
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,05					0,03				0,004			0,01	0,003			
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	1,28				0,26	0,09	0,005		0,44	0,01		0,48					
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,01																0,01
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	5,96			0,003	0,11	0,02	0,04	2,80	0,01	0,64	0,05	0,10	0,93	0,03	0,49	0,65	0,08
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC																	
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK																	

### 3. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021:



Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính															
				P 1	P 2	P 3	P 4	P 5	P 6	P 7	P 8	P 9	P 10	P 11	P 12	P 13	P 14	P 15	P 16
(1)	(2)	(3)	<sup>(4)=</sup> (5)+(6)+...+(20)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>36,14</b>			<b>0,01</b>	<b>2,68</b>	<b>0,04</b>	<b>1,50</b>	<b>14,06</b>							<b>0,02</b>	<b>0,40</b>	<b>17,43</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA**/PNN	5,24*							5,24*									
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	24,37			0,01	2,53	0,04	1,02	6,44							0,02	0,40	13,91
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	0,38				0,16			0,22									
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN																	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN																	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN																	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	11,40						0,48	7,40									3,52
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN																	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN																	
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp, phi nông nghiệp</b>		<b>4,33</b>		<b>0,058</b>				<b>1,91</b>	<b>0,18</b>							<b>0,12</b>		<b>2,06</b>
	<i>Trong đó:</i>																		
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN																	

CỘNG BẢO/SỐ 47+48/Ngày 01-7-2021



STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính															
				P 1	P 2	P 3	P 4	P 5	P 6	P 7	P 8	P 9	P 10	P 11	P 12	P 13	P 14	P 15	P 16
(1)	(2)	(3)	<sup>(4)=</sup> (5)+(6)+...+(20)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
2.10	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	4,33		0,06				1,91	0,18						0,12			2,06

#### 4. Diện tích đất chưa sử dụng vào sử dụng 2021:

Trên địa bàn Quận 8 không có diện tích đất chưa sử dụng.

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân Quận 8 có trách nhiệm phối hợp và thực hiện:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Căn cứ kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, xác định và phê duyệt vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp phường.

3. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của Luật Đất đai.

4. Ủy ban nhân dân Quận 8 chịu trách nhiệm về tính pháp lý, ranh giới, diện tích chuyển mục đích sử dụng của hộ gia đình, cá nhân, đảm bảo phù hợp quy hoạch đô thị, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phân bổ cho huyện tại Nghị quyết 80/NQ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ.

5. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc quản lý sử dụng đất đai, đảm bảo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ban - ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Hòa Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1905/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 5 năm 2021*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý  
và giảm thiểu chất thải nhựa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa;*

*Căn cứ Quyết định số 175/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về phòng, chống rác thải nhựa giai đoạn 2021-2025”;*

*Căn cứ Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Chương trình Giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2020-2030;*

*Căn cứ Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch hành động về quản lý chất thải nhựa đại dương trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 2803/STNMT-CTR ngày 16 tháng 4 năm 2021 về Kế hoạch tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện; các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Hòa Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

### **Tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1905/QĐ-UBND  
ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Triển khai thực hiện Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa; Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh cụ thể như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

a) Triển khai thống nhất, đồng bộ và hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo tại Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2020 về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa; Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2019 về ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030; Quyết định số 175/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2021 về phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về phòng, chống rác thải nhựa giai đoạn 2021-2025”. Đồng thời tiếp nối và phát huy những kết quả đã đạt được trong công tác giảm thiểu chất thải nhựa, hạn chế sử dụng túi ni lông khó phân hủy sinh học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo tại Kế hoạch số 3098/KH-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2019 về thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2019-2021, Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2020 về ban hành Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030 và các văn bản khác có liên quan.

b) Huy động sự tham gia một cách thiết thực, chủ động của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cán bộ và hội viên các tổ chức đoàn

thể, người dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong các hoạt động quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa.

c) Thực hiện tinh thần nêu gương của các cơ quan, đơn vị, công chức, viên chức, người lao động của Thành phố Hồ Chí Minh trong việc chống chất thải nhựa; qua đó lan tỏa và làm thay đổi nhận thức của cộng đồng về ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường do sử dụng bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm nhựa dùng một lần trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt..., tiến tới từ bỏ thói quen sử dụng bao bì nhựa khó phân hủy sinh học, sản phẩm nhựa dùng một lần và thay thế bằng sản phẩm tái chế, thân thiện môi trường.

## 2. Yêu cầu

a) Các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội phải gương mẫu, tích cực và đi đầu trong việc giảm thiểu, tái sử dụng chất thải nhựa; không sử dụng bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm nhựa dùng một lần (bao gồm: chai lọ nhựa, ống hút nhựa, hộp xốp đựng thực phẩm, tô nhựa, chén nhựa, ly nhựa,...) tại công sở, hội nghị, hội thảo, hội họp và các ngày lễ, ngày kỷ niệm, sự kiện khác trên địa bàn Thành phố; hạn chế sử dụng băng rôn, khẩu hiệu,... dùng một lần chuyển sang sử dụng các trang thiết bị điện tử phục vụ cho công tác tuyên truyền.

b) Phấn đấu đến hết năm 2021: 100% hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại sử dụng các loại bao bì (túi) thân thiện môi trường phục vụ cho mục đích sinh hoạt để thay thế túi ni lông khó phân hủy sinh học; các tiểu thương tại các chợ dân sinh giảm 50% sử dụng bao bì ni lông khó phân hủy sinh học trong việc đóng gói, đựng sản phẩm cho người tiêu dùng. Phấn đấu đến năm 2030: Thành phố hạn chế tối đa việc sử dụng bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm nhựa dùng một lần.

c) Thực hiện truyền thông, tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về tác hại của chất thải nhựa đối với môi trường và con người, lợi ích của các hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, giảm thiểu, phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, phóng viên - biên tập viên các cơ quan báo chí, cán bộ cơ sở truyền thanh – truyền hình cấp huyện, đài truyền thanh cấp xã, học sinh, sinh viên, người dân,... trên địa bàn Thành phố.

d) Lồng ghép một số nhiệm vụ, công việc theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường các hoạt động quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm



thiếu chất thải nhựa trên địa bàn Thành phố từ trước đến nay vào trong Kế hoạch này để thuận lợi cho việc rà soát, tổ chức thực hiện và theo dõi công việc.

đ) Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện; tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức, cá nhân có liên quan cùng phối hợp chặt chẽ, đồng bộ trong việc tổ chức thực hiện Kế hoạch nhằm đạt hiệu quả. Các chương trình, hoạt động triển khai Kế hoạch này cần đảm bảo thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí và có lộ trình thực hiện phù hợp.

## **II. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

### **1. Tổ chức truyền thông, tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen về giảm thiểu, phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa**

a) Tiếp tục chủ động triển khai công tác truyền thông, tuyên truyền về tác hại của chất thải nhựa đối với môi trường và con người, lợi ích của các hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và giảm thiểu, phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa, không xả chất thải, chất thải nhựa bừa bãi ra đường phố, hệ thống thoát nước, biển, sông, kênh, rạch và nơi công cộng đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, phóng viên - biên tập viên các cơ quan báo chí, cán bộ cơ sở truyền thanh – truyền hình cấp huyện, đài truyền thanh cấp xã, người dân,... trên địa bàn Thành phố và tại các nơi tập trung đông người trên địa bàn Thành phố (như: hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, chợ, sân bay, ga tàu, bệnh viện, cửa hàng, điểm du lịch, khách sạn, công viên,...) với nhiều hình thức và nội dung phù hợp, đa dạng, sinh động.

b) Đưa các nội dung tuyên truyền, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về tác hại của chất thải nhựa đối với môi trường và con người, lợi ích của các hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và giảm thiểu, phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa vào chương trình, hoạt động của các trường học các cấp và các cơ sở giáo dục đào tạo trên địa bàn Thành phố.

c) Tuyên truyền, kêu gọi các tổ chức, cá nhân tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa.

### **2. Kiểm soát chất thải nhựa từ nguồn**

a) Hạn chế tối đa và tiến tới không sử dụng bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm nhựa dùng một lần trong tất cả các hoạt động hàng ngày của các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, đoàn thể, trường học, cơ sở y tế, người lao

động, người dân,... trên địa bàn Thành phố và tại hội nghị, hội thảo, hội họp, các ngày lễ, ngày kỷ niệm, sự kiện khác diễn ra trên địa bàn Thành phố.

b) Chất thải nhựa phát sinh từ hoạt động du lịch và dịch vụ biển, kinh tế hàng hải và tài nguyên khoáng sản biển, nuôi trồng và khai thác thủy sản phải được thu gom, lưu giữ và chuyển giao cho cơ sở có chức năng tái chế và xử lý.

c) Rà soát, đánh giá hiện trạng các nguồn thải nhựa phát sinh trên địa bàn Thành phố, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp, hiệu quả trong việc quản lý, giảm thiểu chất thải nhựa trên địa bàn Thành phố.

d) Vận động, đôn đốc các hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi, nhà sách, chợ dân sinh,... trên địa bàn Thành phố phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, nội dung công việc do Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo tại điểm g khoản 1 Mục II Kế hoạch số 3098/KH-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2019 về thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2019-2021.

đ) Vận động các nhà hàng, khách sạn, khu du lịch, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, ... trên địa bàn Thành phố có kế hoạch giảm chất thải nhựa, hạn chế tối đa và tiến tới không sử dụng bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm nhựa dùng một lần chuyển sang sử dụng thay thế bằng các sản phẩm tái chế, thân thiện môi trường.

e) Vận động các đơn vị sản xuất bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm nhựa dùng một lần có kế hoạch hạn chế sản xuất và chuyển đổi dần sang sản xuất các sản phẩm tái chế, thân thiện môi trường.

g) Nghiên cứu, phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đối với chất thải nhựa.

h) Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, nội dung công việc do Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo tại khoản 2 Mục I của Kế hoạch hành động kèm theo Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2020 về ban hành Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030.

### **3. Tổ chức phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải nhựa**

a) Phát triển, triển khai sử dụng mô hình 3T (Tiết giảm - Tái sử dụng - Tái chế) nhằm tăng cường việc giảm thiểu và tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa trong các hoạt động.

b) Tổ chức thực hiện các giải pháp kỹ thuật hoặc các phong trào, chiến dịch thu gom chất thải rắn, chất thải nhựa ở các nơi công cộng, khu đất trống, sông, kênh, rạch,... trên địa bàn Thành phố.

c) Đẩy mạnh việc thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo đúng định hướng, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố; khuyến khích việc phân loại tại nguồn đối với chất thải nhựa riêng biệt với các loại chất thải khác để tăng cường hoạt động tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa.

đ) Khuyến khích việc phân loại chất thải nhựa nằm lẫn trong chất thải rắn sinh hoạt (nếu có) tại trạm trung chuyển hoặc nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt và ưu tiên chuyển giao chất thải nhựa cho đơn vị tái sử dụng, tái chế có chức năng. Trường hợp chất thải nhựa không còn khả năng tái sử dụng, tái chế thì thực hiện các giải pháp xử lý khác phù hợp, hiệu quả.

e) Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân có chức năng, có đủ điều kiện thực hiện dịch vụ thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa trên địa bàn Thành phố.

g) Nghiên cứu việc phát triển hạ tầng, dịch vụ thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa trên địa bàn Thành phố.

h) Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tiên tiến về tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa trở thành các sản phẩm hữu ích, thân thiện môi trường và mô hình kinh tế tuần hoàn chất thải nhựa.

i) Xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa và đối với các cơ sở sản xuất sản phẩm tái chế, thân thiện môi trường thay thế bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm nhựa dùng một lần.

#### **4. Tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm**

a) Kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm về vệ sinh môi trường, vứt bỏ chất thải, chất thải nhựa bừa bãi ở nơi công cộng trên địa bàn Thành phố theo quy định.

b) Kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm về thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp,... trong hoạt động nhập khẩu, sản xuất, phân phối, kinh doanh bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm nhựa dùng một lần, sản phẩm tái chế, thân thiện môi trường và hoạt động tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa trên địa bàn Thành phố.

## **5. Biểu dương, khen thưởng**

Biểu dương và khen thưởng các tập thể, tổ chức, cá nhân và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ,... có thành tích tốt, sáng kiến giá trị, đóng góp hiệu quả, thiết thực trong các hoạt động giảm thiểu chất thải nhựa, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; đồng thời triển khai nhân rộng các mô hình tốt trong hoạt động phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện**

a) Tổ chức rà soát Kế hoạch đã ban hành, chủ động xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch này áp dụng cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo. Trong đó, các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc phải tiên phong, gương mẫu trong thực hiện các công việc như sau:

- Giảm thiểu, tái sử dụng chất thải nhựa; không sử dụng bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm nhựa dùng một lần tại công sở, hội nghị, hội thảo, cuộc họp, ngày lễ, ngày kỷ niệm, sự kiện khác trên địa bàn Thành phố; hạn chế sử dụng băng rôn, khẩu hiệu,... dùng một lần chuyển sang sử dụng các trang thiết bị điện tử trong phục vụ cho công tác tuyên truyền.

- Thực hiện phân loại và bố trí thùng rác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn ở trụ sở làm việc theo đúng định hướng, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố. Các loại chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (bao gồm chất thải nhựa) không được để lẫn với chất thải khác; ưu tiên sử dụng các loại bao bì tự hủy, bao bì thân thiện môi trường để chứa, đựng chất thải rắn sau phân loại tại công sở, nơi làm việc; khuyến khích việc xây dựng và thực hiện các mô hình kiểu mẫu để làm cơ sở nhân rộng cho các cơ quan, đơn vị khác trên địa bàn Thành phố.

b) Chủ động nghiên cứu, xây dựng tài liệu, nội dung và tổ chức truyền thông, tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức với nhiều hình thức đa dạng, sinh động về tác hại của chất thải nhựa đối với môi trường và con người, lợi ích của các hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và giảm thiểu, phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa, không xả chất thải bừa bãi ra đường phố, cống thoát nước, kênh, rạch và nơi công cộng đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, hội viên, người lao động, nhân dân, học sinh, sinh viên,... và tất cả doanh

nghiệp, cơ sở, tổ chức, cá nhân có hoạt động nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ,... trên địa bàn Thành phố; đồng thời tổ chức truyền thông, tuyên truyền tại các nơi tập trung đông người trên địa bàn Thành phố (như: hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, chợ, sân bay, ga tàu, bệnh viện, cơ sở y tế, trường học, cơ sở giáo dục, cửa hàng, điểm du lịch, khách sạn, công viên,...).

c) Tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đến tất cả đối tượng trên toàn địa bàn Thành phố theo đúng định hướng, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố.

d) Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện trong năm và xây dựng kế hoạch cụ thể cho năm tiếp theo và **định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hàng năm** gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này, nếu phát sinh những khó khăn, vướng mắc, các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện kịp thời phản ánh, nêu rõ nguyên nhân và kiến nghị, đề xuất giải pháp khắc phục về Sở Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu, tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp.

đ) Nghiên cứu, áp dụng các giải pháp hạn chế hoặc không sử dụng bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm nhựa dùng một lần trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, giao thông, du lịch, sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng,... trên địa bàn Thành phố.

e) Tổ chức tuyên dương, khen thưởng; đề xuất tuyên dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt Kế hoạch này tại cơ quan, đơn vị và ở địa phương.

g) Nghiên cứu đưa kết quả thực hiện Kế hoạch này trong các chỉ tiêu thi đua, đánh giá xếp loại cuối năm. Mỗi Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện và các tổ chức đoàn thể chịu trách nhiệm xây dựng tiêu chí đánh giá để triển khai cho cơ quan và các đơn vị trực thuộc mình quản lý.

h) Tiếp tục thực hiện các hoạt động, nội dung công việc về giảm thiểu túi ni lông, phong trào “Chống rác thải nhựa”, “Nói không với sản phẩm nhựa sử dụng một lần”,... theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố.

## **2. Sở Tài nguyên và Môi trường**

a) Là đơn vị đầu mối theo dõi, đôn đốc và tổng hợp kết quả triển khai Kế hoạch này của các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận,

huyện; tổng hợp, báo cáo kết quả định kỳ và đột xuất cho Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Xây dựng, lồng ghép các tài liệu, nội dung truyền thông, tuyên truyền về tác hại của chất thải nhựa đối với môi trường và con người, lợi ích của các hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và giảm thiểu, phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa vào các chương trình, kế hoạch, sự kiện truyền thông về bảo vệ môi trường hằng năm; đồng thời gửi tài liệu, nội dung truyền thông, tuyên truyền này đến các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện để tham khảo, lựa chọn áp dụng tại cơ quan, đơn vị và địa phương.

c) Theo dõi, đôn đốc các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện và tổ chức triển khai thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

d) Nghiên cứu, phát triển hạ tầng, dịch vụ thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải nhựa trên địa bàn Thành phố. Nghiên cứu phát triển mô hình 3T (Tiết giảm - Tái sử dụng - Tái chế).

đ) Rà soát, đánh giá hiện trạng sản xuất, kinh doanh và sử dụng bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm nhựa dùng một lần trên địa bàn Thành phố; phối hợp với các cơ quan chức năng đề xuất giải pháp phù hợp, hiệu quả để tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa trên địa bàn Thành phố. Trước mắt ưu tiên thực hiện việc rà soát, đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp đối với túi ni lông khó phân hủy.

g) Phối hợp với các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan trong việc nghiên cứu, phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn chất thải nhựa trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn Thành phố khi có yêu cầu; hỗ trợ, hướng dẫn triển khai các mô hình thí điểm trong cộng đồng dân cư khi có yêu cầu.

h) Tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố biểu dương và khen thưởng các cá nhân, tập thể, tổ chức và doanh nghiệp có đóng góp hiệu quả, thiết thực trong việc triển khai Kế hoạch này.

i) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc chủ động đề xuất trực tiếp Bộ Tài nguyên và Môi trường về các quy định, cơ chế, chính sách có liên quan đến chất thải nhựa, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học,

sản phẩm nhựa dùng một lần và sản phẩm tái chế, thân thiện môi trường khi có yêu cầu.

### **3. Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện**

Thực hiện việc nạo vét bùn đất bồi lắng, vớt chất thải (bao gồm chất thải nhựa), lục bình, cỏ dại và nạo vét bãi cạn, thanh thải chướng ngại vật, khơi thông dòng chảy trên các tuyến sông, kênh, rạch nhằm phát huy cao nhất hiệu quả chức năng nhiệm vụ của các tuyến sông, kênh, rạch theo phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố.

### **4. Sở Công Thương**

a) Tiếp tục yêu cầu, vận động, đôn đốc các hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, chợ, cửa hàng tiện lợi thuộc thẩm quyền quản lý:

- Phân đấu hoàn thành các chỉ tiêu, nội dung công việc do Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo tại điểm g khoản 1 Mục II Kế hoạch số 3098/KH-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2019.

- Có kế hoạch, lộ trình giảm thiểu chất thải nhựa (giảm dần việc sản xuất, phân phối, kinh doanh và sử dụng bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm nhựa dùng một lần chuyển sang sản xuất, kinh doanh, phân phối và sử dụng các sản phẩm tái chế, thân thiện môi trường). Sở Công Thương nghiên cứu, áp dụng các hình thức xử lý phù hợp đối với các đơn vị không có kế hoạch, lộ trình giảm thiểu chất thải nhựa.

- Có hình thức khuyến khích người tiêu dùng mang túi, hộp chứa,... khi đi mua sắm, hạn chế hoặc không phát miễn phí bao bì nhựa khó phân hủy sinh học cho người tiêu dùng; hướng đến việc tính phí túi chứa, đựng hàng hóa khi người tiêu dùng có nhu cầu sử dụng. Nghiên cứu bố trí các điểm thu hồi bao bì nhựa khó phân hủy sinh học đã qua sử dụng tại các hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, chợ, cửa hàng tiện lợi.

- Có chính sách giảm giá, tích lũy điểm cho người tiêu dùng có mang theo sản phẩm tái chế, thân thiện môi trường để chứa, đựng hàng hóa khi tham gia mua sắm tại hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, chợ, cửa hàng tiện lợi.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất Bộ Công Thương hoặc chủ động đề xuất trực tiếp Bộ Công Thương về các quy định, cơ chế, chính sách khuyến

khích doanh nghiệp, cơ sở có hoạt động sản xuất bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm nhựa dùng một lần triển khai việc thu hồi sản phẩm nhựa sau sử dụng để tái sử dụng, tái chế hoặc xử lý theo quy định khi có yêu cầu.

c) Vận động các doanh nghiệp, cơ sở có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn Thành phố áp dụng, phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn chất thải (bao gồm chất thải nhựa) trong các hoạt động của đơn vị.

## **5. Sở Giáo dục và Đào tạo**

a) Đưa nội dung tuyên truyền về tác hại của chất thải nhựa đối với môi trường và con người, lợi ích của các hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và giảm thiểu, phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa vào các chương trình, sự kiện, hoạt động giáo dục tại các trường học, cơ sở giáo dục đào tạo.

b) Yêu cầu các trường học, cơ sở giáo dục đào tạo hạn chế tối đa và tiến tới không sử dụng bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm nhựa dùng một lần trong các hoạt động của trường; tăng cường tái sử dụng các sản phẩm nhựa đã qua sử dụng hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng tái chế, xử lý theo quy định.

c) Nghiên cứu việc đưa các hoạt động về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và giảm thiểu chất thải nhựa thành một tiêu chí đánh giá trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai Chương trình xây dựng Trường học xanh trên toàn địa bàn Thành phố.

## **6. Sở Du lịch**

a) Yêu cầu các tổ chức, cá nhân có hoạt động trong lĩnh vực du lịch: có kế hoạch giảm thiểu chất thải nhựa, hạn chế tối đa và tiến tới không sử dụng bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm nhựa dùng một lần trong các sự kiện, tham quan, du lịch, nghỉ ngơi,...; tăng cường tái sử dụng các sản phẩm nhựa đã qua sử dụng hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng tái chế, xử lý theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở, ban, ngành có liên quan thực hiện rà soát các quy định hiện hành về xử lý đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động trong lĩnh vực du lịch trên địa bàn Thành phố không có kế hoạch và thực hiện giảm thiểu chất thải nhựa theo quy định pháp luật.

## **7. Sở Thông tin và Truyền thông**



a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện chương trình truyền thông, tuyên truyền trên toàn địa bàn Thành phố về tác hại của chất thải nhựa đối với môi trường và con người, lợi ích của các hoạt động phân loại, thu gom, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải nhựa với nhiều hình thức đa dạng, phù hợp, hiệu quả.

b) Chủ trì xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Quyết định số 175/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về phòng, chống rác thải nhựa giai đoạn 2021-2025”.

### **8. Sở Văn hóa và Thể thao**

a) Thực hiện các biện pháp tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân về không xả chất thải, chất thải nhựa ở trong và xung quanh khu vực tổ chức hoạt động, lễ hội, sự kiện,... trên địa bàn Thành phố.

b) Triển khai Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, công tác tuyên truyền, thông tin cổ động về các hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và giảm thiểu, phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa.

c) Biên soạn, in ấn tài liệu tuyên truyền Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” cho thành phố Thủ Đức và các quận, huyện gắn với các hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và giảm thiểu, phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa để bảo vệ môi trường.

### **9. Sở Y tế**

Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất Bộ Y tế hoặc chủ động đề xuất trực tiếp Bộ Y tế về tiêu chí đánh giá cơ sở y tế xanh, sạch, đẹp và tiêu chuẩn chất lượng, yêu cầu vệ sinh đối với các sản phẩm nhựa tái chế làm bao bì đựng thực phẩm, thuốc, các loại nước đóng chai,... theo quy định khi có yêu cầu.

### **10. Sở Khoa học và Công nghệ**

Đẩy mạnh các nghiên cứu, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ, kỹ thuật trong công tác: phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa trên địa bàn Thành phố; sản xuất vật liệu thân thiện môi trường nhằm thay thế nhựa trong sản xuất, kinh doanh; mô hình kinh tế tuần hoàn chất thải nhựa trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;...

### **11. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc chủ động đề xuất trực tiếp Bộ Kế hoạch và Đầu tư về các chính sách khuyến khích đầu tư, chuyển giao công nghệ, sản xuất sản phẩm tái chế, thân thiện môi trường thay thế bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm nhựa dùng một lần; đưa loại hình dự án đầu tư sản xuất sản phẩm tiêu dùng thân thiện môi trường, kinh tế tuần hoàn chất thải nhựa vào danh mục các dự án khuyến khích đầu tư theo quy định.

## **12. Sở Tài chính**

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí dự toán kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch này theo quy định.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất Bộ Tài chính hoặc chủ động đề xuất trực tiếp Bộ Tài chính về các chính sách tài chính nhằm thúc đẩy, khuyến khích cho các hoạt động tái chế chất thải, chất thải nhựa; ưu đãi, hỗ trợ đối với sản phẩm, vật liệu tái chế, thân thiện môi trường theo quy định.

## **13. Các cơ quan báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình**

Xây dựng chuyên trang, chương trình, bài viết, phóng sự chuyên sâu để truyền thông, tuyên truyền về tác hại của chất thải nhựa đối với môi trường và con người, lợi ích của các hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và giảm thiểu, phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa.

## **14. Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp, Ban Quản lý Khu công nghệ cao, Ban Quản lý Khu nông nghiệp kỹ thuật cao**

Vận động, yêu cầu các doanh nghiệp, cơ sở, tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong các Khu thực hiện việc tăng cường tái sử dụng các sản phẩm nhựa đã qua sử dụng hoặc chuyển giao chất thải nhựa cho đơn vị có chức năng tái chế, xử lý theo quy định; nghiên cứu, áp dụng, phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn chất thải, chất thải nhựa trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

## **15. Cục Hải quan Thành phố**

Kiểm soát, thống kê danh sách các tổ chức, cá nhân có hoạt động nhập khẩu bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm nhựa dùng một lần để tiêu thụ, sản xuất, phân phối trên địa bàn Thành phố.

## **16. Cục Thuế Thành phố**

Tổ chức thực hiện quản lý thuế đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh đối với sản phẩm nhựa sử dụng một lần, sản phẩm tái chế, thân thiện môi trường theo quy định của pháp luật về thuế.

### **17. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện**

a) Xây dựng kế hoạch, chủ động liên hệ và phối hợp các Sở, ban, ngành; tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan, đơn vị có chức năng liên quan để tổ chức triển khai công tác truyền thông, tuyên truyền rộng rãi đến tất cả cơ quan, đơn vị, người dân đang hoạt động, sinh sống trên địa bàn thành phố Thủ Đức và các quận, huyện.

b) Rà soát, vận động, đề nghị các hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, chợ, nhà sách, cửa hàng tiện lợi,... đang hoạt động trên địa bàn quản lý thực hiện những việc sau:

- Có kế hoạch, lộ trình giảm thiểu chất thải nhựa (giảm dần việc sản xuất, phân phối, kinh doanh và sử dụng bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm nhựa dùng một lần chuyển sang sản xuất, kinh doanh, phân phối và sử dụng các sản phẩm tái chế, thân thiện môi trường).

- Có hình thức khuyến khích người tiêu dùng mang túi, hộp chứa,... khi đi mua sắm, hạn chế hoặc không phát miễn phí túi ni lông khó phân hủy cho người tiêu dùng; hướng đến việc tính phí túi chứa, đựng hàng hóa khi người tiêu dùng có nhu cầu sử dụng. Nghiên cứu bố trí các điểm thu hồi túi ni lông đã qua sử dụng tại các hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, chợ, cửa hàng tiện lợi.

- Có chính sách giảm giá, tích lũy điểm cho người tiêu dùng có mang theo sản phẩm tái chế, thân thiện môi trường để chứa, đựng hàng hóa khi tham gia mua sắm tại hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, chợ, cửa hàng tiện lợi.

c) Chủ trì quản lý và tổ chức triển khai hệ thống thu gom, vận chuyển chất thải rắn sau phân loại đi xử lý theo quy định.

d) Đẩy mạnh việc triển khai mô hình 3T (Tiết giảm - Tái sử dụng - Tái chế); phối hợp với các đoàn thể quận, huyện thiết lập các điểm thu gom sản phẩm nhựa đã qua sử dụng trong cộng đồng dân cư hoặc kết nối với các tổ chức triển khai mô hình đổi chất thải, chất thải nhựa lấy sản phẩm tiêu dùng.

đ) Khuyến khích, vận động người dân, cộng đồng dân cư trên địa bàn quản lý thực hiện phân loại chất thải nhựa riêng biệt với các loại chất thải khác; tăng cường

tái sử dụng sản phẩm nhựa đã qua sử dụng hoặc chuyển giao chất thải nhựa cho đơn vị có chức năng tái chế, xử lý theo quy định.

e) Yêu cầu các chủ nguồn thải trên địa bàn quản lý tăng cường thực hiện công tác phân loại chất thải rắn phát sinh trong hoạt động sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; tăng cường tái sử dụng sản phẩm nhựa đã qua sử dụng hoặc chuyển giao chất thải nhựa cho đơn vị có chức năng tái chế, xử lý theo quy định.

g) Định kỳ rà soát, tổ chức các hoạt động tổng vệ sinh, thu gom chất thải, chất thải nhựa tồn đọng tại các khu vực công cộng, khu đất trống trên địa bàn quản lý.

h) Rà soát, thống kê các cơ sở sản xuất, phân phối, kinh doanh sản phẩm nhựa sử dụng một lần trên địa bàn quản lý; tổ chức kiểm tra, giám sát, xử lý hoặc đề xuất xử lý theo thẩm quyền đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm về vệ sinh môi trường, vứt bỏ chất thải, chất thải nhựa bừa bãi ở nơi công cộng theo quy định.

i) Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ xây dựng và triển khai kế hoạch cụ thể đối với việc giảm thiểu chất thải nhựa trên biển theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2020.

### **18. Các hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố**

a) Phối hợp truyền thông, tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp cùng chung tay với Thành phố giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường, đẩy lùi ô nhiễm do chất thải nhựa bằng các giải pháp, sáng kiến cụ thể, thiết thực ngay trong sinh hoạt hàng ngày và trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị.

b) Vận động các doanh nghiệp, các cơ sở (sản xuất, kinh doanh, phân phối, dịch vụ,...) trên địa bàn Thành phố chuyển sang sản xuất, phân phối, sử dụng các sản phẩm tái chế, thân thiện môi trường thay thế bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm nhựa dùng một lần.

### **19. Quỹ Bảo vệ môi trường Thành phố**

Nghiên cứu, phổ biến chương trình và cho vay vốn ưu đãi theo quy định đối với hoạt động thu gom, tái sử dụng, tái chế các sản phẩm nhựa đã qua sử dụng và hoạt động sản xuất các loại sản phẩm tái chế, thân thiện môi trường trên địa bàn Thành phố có nhu cầu vay vốn.

**20. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức thành viên**

a) Hỗ trợ tổ chức tuyên truyền sâu rộng về các hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và giảm thiểu, phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa nhằm nâng cao nhận thức của người dân, cộng đồng dân cư.

b) Phối hợp với chính quyền địa phương xây dựng mô hình, cách làm hay trong công tác thu gom, phân loại các sản phẩm nhựa đã qua sử dụng và cam kết vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định; khuyến khích cộng đồng đăng ký cam kết tham gia Kế hoạch./.

## **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1933/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 5 năm 2021*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP  
ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp  
quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực trên địa bàn Thành phố**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật  
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về  
đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực;*

*Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 5247/TTr-SNV ngày 16 tháng 12 năm  
2020 và Công văn số 1442/SNV-TCBC&TCPCP ngày 26 tháng 4 năm 2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực trên địa bàn Thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Phong**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

**thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020  
của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước  
theo ngành, lĩnh vực trên địa bàn Thành phố**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1933/QĐ-UBND  
ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Triển khai Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành kế hoạch thực hiện cụ thể như sau:

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

a) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực trên cơ sở xác định rõ ràng về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm giữa Ủy ban nhân dân Thành phố, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện (sau đây gọi chung là cấp huyện), bảo đảm sự quản lý thống nhất của Ủy ban nhân dân Thành phố, phát huy tính chủ động, trách nhiệm, tinh thần sáng tạo của sở, ngành, thành phố Thủ Đức và quận - huyện.

b) Thực hiện phân cấp hợp lý về quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ với Ủy ban nhân dân Thành phố trên cơ sở phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng cấp, từng cơ quan trong hệ thống tổ chức hành chính nhà nước, bảo đảm sự quản lý tập trung, thống nhất của Chính phủ, phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế, nguồn lực của các địa phương nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính nhà nước, xây dựng Chính phủ điện tử và hội nhập quốc tế. Từ đó, phân cấp phù hợp giữa Ủy ban nhân dân Thành phố với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo ngành, lĩnh vực đảm bảo phát huy hiệu quả.

## 2. Yêu cầu

a) Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quán triệt, nghiên cứu Nghị quyết số 99/NQ-CP của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực để đề xuất các vấn đề kiến nghị Trung ương phân cấp cho Thành phố theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

b) Phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật, bảo đảm một việc không quá 02 cấp hành chính quản lý.

c) Nội dung đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện phải đảm bảo phù hợp với điều kiện, trình độ quản lý, khả năng tiếp nhận, thể mạnh của Ủy ban nhân dân cấp huyện, bảo đảm nguyên tắc hiệu quả, việc nào, cấp nào sát thực tế hơn, giải quyết kịp thời và phục vụ tốt hơn các yêu cầu của tổ chức, người dân thì giao cho cấp đó thực hiện. Đồng thời, đảm bảo nguồn lực cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện và phù hợp với đặc thù đô thị, nông thôn, trong đó chú ý phân cấp mạnh cho thành phố Thủ Đức.

d) Kết hợp chặt chẽ giữa quản lý theo ngành, lĩnh vực với quản lý theo lãnh thổ, phân định rõ những nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân Thành phố, sở, ngành với nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

đ) Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương phải nêu cao vai trò, trách nhiệm trong tổ chức, triển khai thực hiện phân cấp quản lý, kết quả thực hiện gắn với nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm.

e) Đảm bảo tính công khai và trách nhiệm thanh tra, kiểm tra của Ủy ban nhân dân Thành phố, trách nhiệm giải trình của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện được phân cấp trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực.

g) Xác định cụ thể nội dung công việc, tiến độ, thời gian hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP của Chính phủ.

## II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

**1. Triển khai, phổ biến, quán triệt nội dung Nghị quyết số 99/NQ-CP của Chính phủ**



Tổ chức, tuyên truyền, phổ biến và quán triệt Nghị quyết số 99/NQ-CP của Chính phủ, các nghị định của từng ngành, lĩnh vực và các văn bản có liên quan đến các cơ quan, đơn vị trực thuộc hệ toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được biết.

- Đơn vị thực hiện: các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Thời gian thực hiện: trong tháng 5 năm 2021 đối với Nghị quyết số 99/NQ-CP của Chính phủ; đối với các nghị định của từng ngành, lĩnh vực thì triển khai ngay khi Chính phủ ban hành.

## **2. Đề xuất Chính phủ phân cấp cho Ủy ban nhân dân Thành phố**

Đề xuất Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho Thành phố Hồ Chí Minh cho phù hợp tình hình thực tế tại Thành phố và quy định pháp luật. Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi các văn bản pháp luật và thực tế phát sinh thông qua đề xuất phân cấp cho Thành phố thực hiện.

**3. Nghiên cứu triển khai thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với 10 ngành, lĩnh vực theo Nghị quyết số 99/NQ-CP để làm cơ sở Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc sửa đổi, bổ sung phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện phù hợp với tình hình thực tế của địa phương**

a) Ngành lĩnh vực, phân cấp theo Nghị quyết số 99/NQ-CP

- Ngành, lĩnh vực nội vụ gồm: tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức, vị trí việc làm.

Đơn vị chủ trì: Sở Nội vụ.

- Ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường gồm: biển và hải đảo.

Đơn vị chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Ngành, lĩnh vực thông tin và truyền thông: Phát thanh và truyền hình.

Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Ngành, lĩnh vực văn hóa gồm: điện ảnh.

Đơn vị chủ trì: Sở Văn hóa và Thể thao.

- Ngành, lĩnh vực y tế gồm: khám bệnh, chữa bệnh.

Đơn vị chủ trì: Sở Y tế.

- Ngành, lĩnh vực xây dựng gồm: hoạt động đầu tư xây dựng; kiến trúc; quy hoạch; phát triển đô thị.

Đơn vị chủ trì:

+ Sở Xây dựng chủ trì đối với hoạt động đầu tư xây dựng và phát triển đô thị.

+ Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì đối với lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch.

- Ngành, lĩnh vực khoa học và công nghệ gồm: hoạt động khoa học và công nghệ.

Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Ngành, lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội gồm: quản lý người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; an toàn, vệ sinh lao động.

Đơn vị chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Ngành, lĩnh vực tài chính gồm: thu ngân sách nhà nước; chi ngân sách nhà nước; quản lý nợ công; phí và lệ phí; tài sản công.

Đơn vị chủ trì: Sở Tài chính.

- Ngành, lĩnh vực kế hoạch và đầu tư gồm: quản lý đầu tư; đầu tư công.

Đơn vị chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

#### b) Thời gian trình

Ngay sau khi Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với 10 ngành, lĩnh vực nêu trên có hiệu lực, đơn vị chủ trì nêu trên phối hợp các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu, đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố các văn bản quy phạm pháp luật cần ban hành mới, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp tình hình thực tế.

#### **4. Các nội dung Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp quản lý nhà nước cho Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật hiện hành**

Ngoài các lĩnh vực nghiên cứu phân cấp ở trên, Ủy ban nhân dân Thành phố giao các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện phân cấp quản lý nhà nước cho Ủy ban nhân dân cấp

huyện theo phụ lục phân công nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc đề xuất ban hành văn bản quy phạm pháp luật triển khai thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP của Chính phủ ban hành kèm theo Kế hoạch này.

### **III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

#### **1. Rà soát, tham gia ý kiến hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền**

a) Hoàn thiện các quy định về quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực, trong đó làm rõ những nội dung cần tăng cường phân cấp quản lý theo lãnh thổ, những nội dung cần tăng cường quản lý thống nhất theo ngành, lĩnh vực. Tăng cường phân cấp cho những địa phương tự cân đối ngân sách và các địa phương có vai trò trung tâm phát triển kinh tế - xã hội vùng để tăng tính chủ động trong quản lý theo lãnh thổ.

b) Hoàn thiện các quy định về tiêu chí, điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, cơ chế kiểm soát giá, phí làm cơ sở để phân cấp thẩm quyền quyết định trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực.

c) Sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật để loại bỏ các quy định phải có ý kiến chấp thuận hoặc xin ý kiến của cơ quan nhà nước cấp trên đối với những vấn đề đã được quy định bằng tiêu chí, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình và đã được phân cấp quản lý.

d) Đơn giản hóa thủ tục hành chính trong hoạt động hành chính; thường xuyên rà soát, cắt giảm các thủ tục hành chính và chỉnh sửa quy trình giải quyết công việc đối với cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp không còn phù hợp. Bảo đảm công khai, đúng thẩm quyền, đúng thời hạn trong hoạt động công vụ; đặc biệt đối với các quy trình thủ tục phục vụ, giải quyết các yêu cầu của người dân, doanh nghiệp.

2. Rà soát chức năng, nhiệm vụ của các sở, ngành, loại bỏ chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm không có việc nào không có cơ quan quản lý, một việc chỉ do một cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm chính, phù hợp với nội dung đã phân cấp.

3. Tăng cường thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực.

4. Bố trí đủ nguồn lực để thực hiện phân cấp: Ủy ban nhân dân Thành phố khi phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn sẽ bảo đảm các nguồn lực và điều kiện cần thiết khác để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn mà mình phân cấp, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số

điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; rà soát lại tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, điều chỉnh số lượng biên chế cho phù hợp, tránh việc phân cấp, chuyển giao nhiệm vụ nhưng vẫn giữ nguyên tổ chức bộ máy và biên chế.

**5.** Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công vụ, trong xử lý hồ sơ nhất là hồ sơ liên thông; đảm bảo lưu trữ dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra.

**6.** Định kỳ hằng năm đánh giá nội dung phân cấp quản lý nhà nước để kịp thời sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý nhà nước đặt ra trong từng giai đoạn đối với từng ngành, lĩnh vực.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Các sở, ngành thực hiện các nhiệm vụ**

a) Tiếp tục tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện các nội dung quản lý nhà nước đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ phân cấp cho Ủy ban nhân dân Thành phố. Đồng thời, tích cực thực hiện các nội dung quản lý nhà nước đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang bộ phân cấp cho sở, ngành thực hiện.

b) Kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện tốt các nội dung mới được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ phân cấp. Thường xuyên rà soát kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị cấp có thẩm quyền các nội dung phân cấp quản lý phù hợp với điều kiện, khả năng, thế mạnh của Thành phố.

c) Rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị

Thường xuyên tự rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị để tránh trùng lặp, chồng chéo trong thực hiện, bảo đảm một việc chỉ do một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính trước Ủy ban nhân dân Thành phố.

d) Rà soát, tham gia ý kiến hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền

- Hoàn thiện các quy định về tiêu chí, điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, cơ chế kiểm soát giá, phí làm cơ sở để phân cấp thẩm quyền quyết định trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật theo ngành, lĩnh vực để loại bỏ các quy định phải có ý kiến chấp thuận hoặc xin ý kiến của cơ quan nhà nước cấp trên đối với những vấn đề đã được quy định bằng tiêu chí, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình và đã được phân cấp quản lý.

đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố các nội dung cụ thể phân cấp quản lý nhà nước cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn theo Kế hoạch này và theo mục tiêu, quan điểm, nguyên tắc tại Nghị quyết số 99/NQ-CP của Chính phủ.

e) Căn cứ nội dung phân cấp tại Kế hoạch này, cơ quan được phân công chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các quyết định để phân cấp.

g) Thực hiện tốt các giải pháp đã đề ra trong Kế hoạch này và các giải pháp khác để việc phân cấp được thực hiện có hiệu quả.

h) Định kỳ hàng năm, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp quản lý nhà nước cho Ủy ban nhân dân cấp huyện để có biện pháp kịp thời sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với khả năng và điều kiện của thành phố Thủ Đức và từng quận - huyện.

i) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan nhà nước cấp trên trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp; rà soát lại tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, xác định số lượng biên chế phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn được giao, bảo đảm thực hiện tinh giản biên chế theo quy định của Đảng và của pháp luật.

k) Công khai, minh bạch hóa các hoạt động quản lý nhà nước, đặc biệt là rà soát, công khai, thực hiện các biện pháp đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức để bố trí phù hợp với vị trí việc làm theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước; tạo điều kiện cho các tổ chức, doanh nghiệp và người dân tham gia giám sát hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

l) Định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện các nội dung đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ phân cấp cho Ủy ban nhân dân Thành phố; thực hiện thanh tra, kiểm tra, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố thông qua gửi Sở Nội vụ trước ngày 01 tháng 12 hàng năm về việc thực hiện các

nội dung đã phân cấp và đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung cho phù hợp tình hình thực tế tại địa phương.

## **2. Sở Tài chính thực hiện các nhiệm vụ**

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai cơ chế quản lý tài chính, ngân sách đặc thù của Trung ương phân cấp cho Thành phố.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố phối hợp Bộ Tài chính hoàn thiện cơ chế đổi mới phương thức phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương. Trên cơ sở đó, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách ở địa phương.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị, đề xuất Bộ Tài chính xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính, ngân sách đặc thù đối với Thành phố.

d) Trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật sau khi Bộ Tài chính có văn bản thể chế hóa các chủ trương phân cấp quản lý nhà nước đối với lĩnh vực tài chính của Bộ Chính trị, Quốc hội về chính sách đặc thù đối với Thành phố.

## **3. Sở Nội vụ thực hiện các nhiệm vụ**

a) Theo dõi, đôn đốc các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao trong triển khai thực hiện Kế hoạch này; hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố kết quả thực hiện và những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

b) Có ý kiến về nội dung phân cấp quản lý nhà nước theo yêu cầu của Kế hoạch này trong các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của các đơn vị, địa phương.

c) Tổng hợp tình hình thực hiện phân cấp quản lý nhà nước giữa Ủy ban nhân dân Thành phố với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện; trên cơ sở đó đề xuất việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, biên chế công chức cho phù hợp với nội dung phân cấp quản lý nhà nước trong từng ngành, lĩnh vực.

## **4. Sở Tư pháp thực hiện các nhiệm vụ**

a) Thông qua công tác theo dõi, kiểm tra và công tác xây dựng, thi hành văn bản quy phạm pháp luật, phối hợp với các sở quản lý ngành, lĩnh vực kiến nghị, đề xuất việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện

phân cấp quản lý nhà nước trong các ngành, lĩnh vực theo yêu cầu tại Kế hoạch này và theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định loại bỏ các quy định phải có ý kiến chấp thuận hoặc xin ý kiến của cơ quan nhà nước cấp trên đối với những vấn đề đã được quy định bằng tiêu chí, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình và đã được phân cấp quản lý trong quá trình thẩm định, kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật theo ngành, lĩnh vực.

5. Thanh tra Thành phố chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; thanh tra, kiểm tra việc thực thi, chấp hành các quy định của pháp luật về phân cấp quản lý nhà nước tại các sở, ngành và các địa phương.

6. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công vụ, xử lý hồ sơ nhất là hồ sơ liên thông; đảm bảo lưu trữ dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra.

#### **7. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ:**

a) Chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp quản lý nhà nước; rà soát lại tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, xác định số lượng biên chế phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn được giao, bảo đảm thực hiện tinh giản biên chế theo quy định của Đảng và của pháp luật.

b) Rà soát, kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố các nội dung cần phân cấp quản lý phù hợp với điều kiện, khả năng, thế mạnh của từng địa phương.

c) Xem xét nội dung phân cấp cho Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện, phù hợp với điều kiện, khả năng, thế mạnh của từng cơ quan.

d) Định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện các nội dung đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp (thông qua Sở Nội vụ trước ngày 01 tháng 12 hàng năm).

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này, nếu cần thiết phải bổ sung, điều chỉnh, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan chủ động phối hợp Sở Nội vụ để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng